

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2537/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 26 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển thuộc lĩnh vực Lao động -
Thương binh và Xã hội cho các huyện, thành phố thực hiện năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2776/TTr-LĐTĐ ngày 20/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2023 cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố như Biểu kèm theo.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Duy Hưng

BIỂU PHÂN BỐ CHỈ TIÊU
GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM, ĐÀO TẠO NGHỀ NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND
ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị (huyện/thành phố)	Chỉ tiêu giải quyết việc làm		Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		Chỉ tiêu đào tạo nghề	
		Tổng số	Trong đó: Lao động nữ	Tổng số	Trong đó: Lao động nữ	Tổng chỉ tiêu	Trong đó: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn
1	Thành phố Bắc Kạn	700	240	50	10	370	225
2	Bạch Thông	600	190	60	15	800	338
3	Ngân Sơn	750	260	80	33	700	420
4	Chợ Đồn	1.000	420	120	45	800	390
5	Ba Bể	1.000	420	120	45	770	390
6	Pác Nặm	850	350	140	54	770	450
7	Na Rì	750	310	80	33	610	412
8	Chợ Mới	750	310	50	15	840	375
Tổng cộng		6.400	2.500	700	250	5.660	3.000

BIỂU PHÂN BỐ
CHỈ TIÊU TƯ VẤN, GIỚI THIỆU VIỆC LÀM NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND
ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị (huyện/thành phố)	Chỉ tiêu tư vấn giới thiệu việc làm		Số lao động tìm được việc làm	
		Tổng số	Trong đó: Lao động nữ	Tổng số	Trong đó: Lao động nữ
1	Thành phố Bắc Kạn	600	300	30	15
2	Bạch Thông	500	250	20	10
3	Ngân Sơn	650	325	35	17
4	Chợ Đồn	1.000	500	55	27
5	Ba Bể	1.000	500	55	27
6	Pác Nặm	850	425	30	15
7	Na Rì	750	375	40	20
8	Chợ Mới	650	325	35	17
9	Trung tâm Dịch vụ việc làm	2.000	1.000	200	102
Tổng cộng		8.000	4.000	500	250

BIỂU PHÂN BỐ
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP
VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND
 ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: Người

T T	Tên đơn vị (huyện/ thành phố)	Bảo hiểm xã hội bắt buộc			Bảo hiểm thất nghiệp			Bảo hiểm xã hội tự nguyện	
		Đối tượng thuộc diện tham gia	Số người tham gia 2023	Tỷ lệ % so với đối tượng thuộc diện	Đối tượng thuộc diện tham gia	Số người tham gia 2023	Tỷ lệ % so với đối tượng thuộc diện	Số người tham gia năm 2023	Tốc độ tăng trưởng bảo hiểm thất nghiệp % so với 2022
1	Thành phố Bắc Kạn	9.184	9.001	98	6.310	6.183	98	2.128	≥ 32%
2	Pác Nặm	1.551	1.520	98	1.040	1.019	98	990	
3	Ba Bể	2.047	2.007	98	2.260	2.214	98	1.689	
4	Ngân Sơn	1.494	1.464	98	1.112	1.089	98	1.056	
5	Bạch Thông	1.567	1.535	98	998	978	98	2.109	
6	Chợ Đồn	3.760	3.684	98	3.031	2.970	98	1.816	
7	Chợ Mới	2.474	2.424	98	1.882	1.844	98	1.907	
8	Na Rì	2.164	2.120	98	1.434	1.405	98	2.141	
Cộng		24.241	23.755		18.067	17.702		13.836	

BIỂU PHÂN BỐ
CHỈ TIÊU CẢI NGHIỆM TẬP TRUNG NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND
ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị (huyện/thành phố)	Chỉ tiêu giao năm 2023
1	Chợ Đồn	16
2	Chợ Mới	13
3	Ngân Sơn	10
4	Thành phố Bắc Kạn	11
5	Bạch Thông	9
6	Ba Bể	10
7	Pác Nặm	5
8	Na Rì	6
	Cộng	80